

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
 BẬC: Đại học
 KHOA: Sinh - Môi trường

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

HỆ : Chính quy tập trung
 NGÀNH ĐÀO TẠO: Quản lý tài nguyên và môi trường (4 năm)

KHÓA 2015, 2016

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			HP học trước	Ghi chú
			TC	LT	TH		
		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG					
		Học phần bắt buộc					
1	212003 0	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (1)	2	2	0		
2	213001 0	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (2)	3	3	0	212003 0	
3	213002 0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	213001 0	
4	212001 0	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0	213002 0	
5	312050 1	Tin học đại cương	2	1	1	212001 0	
6	311125 2	Giải tích 5 và đại số	3	3	0		
7	311069 2	Xác suất thống kê	2	2	0		
8	313068 2	Vật lý đại cương 2	3	3	0		
9	314049 2	Hóa hữu cơ	2	2	0		
10	314058 2	Hóa vô cơ	2	2	0		
11	319071 2	Khoa học Trái Đất	2	2	0		
12	412006 0	Tiếng Anh A2.1	3	3	0		*
13	412007 0	Tiếng Anh A2.2	4	4	0	412006 0	*
14	001027 0	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(1)		
15	001028 0	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(1)	001027 0	
16	001029 0	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(1)	001028 0	
17	001030 0	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(1)	001029 0	
18	001031 0	Giáo dục thể chất 5	(1)	(0)	(1)	001030 0	
19	002010 0	Giáo dục quốc phòng	(4t)				
		Tổng	33	32	1		
		Học phần tự chọn					
20	316172 1	Pháp luật đại cương	2	2	0		
21	331001 1	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	2	2	0		
22	317026 2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0		
23	316145 2	Logic học đại cương	2	2	0		
24	317265 2	Tiếng Việt thực hành	2	2	0		
25	320032 2	Tâm lý học đại cương	2	2	0		
26	317234 2	Xã hội học đại cương	2	2	0		
27	314167 2	Quản lý dự án môi trường	2	2	0		
		Tổng	16	16	0		
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	49				
		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP					
		Học phần bắt buộc					
28	315087 3	Các phương pháp phân tích môi trường (đất, nước, không khí)	3	3	0		
29	315276 2	Sinh học đại cương	3	3	0		
30	315339 3	Vi sinh môi trường	2	2	0		
31	315294 3	Thực hành vi sinh môi trường	1	0	1		
32	315147 2	Sinh thái học và môi trường	2	2	0		
33	315184 2	Đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên	2	2	0		
34	315281 3	Tài nguyên sinh vật	2	2	0		
35	315280 3	Tài nguyên khoáng sản và năng lượng	2	2	0		
36	315335 2	Khoa học môi trường đại cương	3	3	0		
37	315257 3	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học chuyên ngành (QL TN-Môi	1	1	0		
38	315006 2	Công nghệ môi trường	2	2	0		
39	315286 3	Thực hành công nghệ môi trường	1	0	1	315006 2	
40	315228 3	Bài tập lớn về công nghệ môi trường	1	0	1		
41	315246 3	Kỹ thuật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất	2	2	0		
42	315266 3	Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường	3	3	0		
43	315055 3	Quy hoạch môi trường	2	2	0		
44	315240 2	Giáo dục và truyền thông bảo vệ môi trường	2	2	0		
45	319189 2	Kinh tế môi trường	3	3	0		
46	315014 3	Đánh giá môi trường	3	3	0		

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			HP học trước	Ghi chú
			TC	LT	TH		
47	315250 2	Luật và chính sách môi trường	2	2	0		
48	319185 3	Ứng dụng GIS trong quản lý tài nguyên & môi trường	3	2	1		
49	311119 3	Toán ứng dụng trong môi trường	2	2	0		
50	315273 3	Quan trắc môi trường	3	3	0		
51	315290 3	Thực hành quan trắc môi trường	2	0	2	315273 3	
52	315274 3	Quan trắc sinh học	2	2	0		
53	315291 3	Thực hành quan trắc sinh học	1	0	1	315274 3	
54	319184 3	Trắc địa và bản đồ học	2	2	0		
55	319180 3	Thực hành trắc địa và bản đồ	1	0	1	319184 3	
56	315076 3	Tiếng Anh chuyên ngành (QL Môi trường)	2	2	0	412007 0	
57	315239 3	Giám sát sức khỏe hệ sinh thái	2	2	0		
58	315254 3	Phương pháp đánh giá nhanh môi trường	2	2	0		
59	315100 3	Nguồn lợi thủy sản	2	2	0		
60	315268 2	Quản lý tổng hợp vùng bờ	2	2	0		
61	315267 3	Quản lý tổng hợp lưu vực sông	2	2	0		
62	315295 3	Thực tập nhận thức	1	0	1		
63	315338 3	Thực tập kỹ năng	1	0	1		
64	303003 2	Thực tập tốt nghiệp	3	0	3		
		Tổng	75	62	13		
		Học phần tự chọn					
65	315232 3	Đánh giá rủi ro môi trường	2	2	0		
66	314166 2	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	2	2	0		
67	315258 3	Quản lý cấp thoát nước đô thị	2	2	0		
68	315271 3	Quản lý và kiểm soát ô nhiễm không khí	2	2	0		
69	315263 3	Quản lý môi trường nông thôn	2	2	0		
70	315262 2	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	2	2	0		
71	315084 3	An toàn môi trường và vệ sinh lao động	2	2	0		
72	315095 3	Hệ thống quản lý ISO 14000	2	2	0		
73	314169 2	Sản xuất sạch hơn	2	2	0		
74	315284 3	Thanh tra môi trường	2	2	0		
75	315242 3	Kiểm soát ô nhiễm bằng thực vật	2	2	0		
76	315243 3	Kiểm soát ô nhiễm bằng vi sinh vật	2	2	0		
77	315102 3	Quản lý môi trường biển và ven biển	2	2	0		
78	319190 2	Quy hoạch sử dụng đất	2	2	0		
79	315248 3	Khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu	2	2	0		
80	315265 3	Quản lý nhà nước về khoáng sản và địa chất	2	2	0		
81	315269 3	Quản lý và bảo vệ tài nguyên nước	2	2	0		
82	315264 3	Quản lý nhà nước về biển và hải đảo	2	2	0		
83	315270 3	Quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng	2	2	0		
84	319186 2	Du lịch sinh thái	2	2	0	315147 2	
85	315259 3	Quản lý hệ sinh thái đất ngập nước	2	2	0		
86	315236 3	Đồ án môn học (tự chọn bắt buộc đối với sinh viên không làm KLTN)	4	0	4		
87	315028 3	Khóa luận tốt nghiệp	7	0	7		
		Tổng	53	42	11		
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	128	104	24		
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHOA	135				
		Tổng số tín chỉ bắt buộc	103				
		Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu (chọn ra 32/65 tín chỉ)	32				

Ghi chú: Không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng và phần Tiếng Anh đạt chuẩn đầu ra

* Học phần Tiếng Anh A2.1 là học phần tiên quyết của học phần Tiếng Anh A2.2

Điều kiện tốt nghiệp:

Phải tích lũy tối thiểu 135 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc

Đạt chuẩn đầu ra Tin học

Đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh trình độ B1 khung châu Âu

TRƯỞNG KHOA



HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. LÊ QUANG SƠN

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

HỆ : Chính quy tập trung

KHÓA 2015, 2016

BẠC: Đại học

NGÀNH ĐÀO TẠO: Quản lý tài nguyên và môi trường (4 năm)

KHOA: Sinh - Môi trường

HỌC KỲ	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			HP học trước	Ghi chú
			TC	LT	TH		
1	212003 0	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (1)	2	2	0		
	412006 0	Tiếng Anh A2.1	3	3	0		*
	311125 2	Giải tích 5 và đại số	3	3	0		
	313068 2	Vật lý đại cương 2	3	3	0		
	314058 2	Hóa vô cơ	2	2	0		
	315335 2	Khoa học môi trường đại cương	3	3	0		
	319071 2	Khoa học Trái Đất	2	2	0		
	315276 2	Sinh học đại cương	3	3	0		
	001027 0	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(1)		
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			21	21	0		
2	213001 0	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (2)	3	3	0	212003 0	
	412007 0	Tiếng Anh A2.2	4	4	0	412006 0	*
	312050 1	Tin học đại cương	2	1	1	212001 0	
	315147 2	Sinh thái học và môi trường	2	2	0		
	315257 3	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học chuyên ngành (QL TN-)	1	1	0		
	314049 2	Hóa hữu cơ	2	2	0		
	Học phần tự chọn:						
	317026 2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0		
	317265 2	Tiếng Việt thực hành	2	2	0		
	316145 2	Logic học đại cương	2	2	0		
	317234 2	Xã hội học đại cương	2	2	0		
	320032 2	Tâm lý học đại cương	2	2	0		
	001028 0	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(1)	001027 0	
	002010 0	Giáo dục quốc phòng	(4t)				
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			24	23	1		
3	213002 0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	213001 0	
	315076 3	Tiếng Anh chuyên ngành (QL Môi trường)	2	2	0	412007 0	
	311069 2	Xác suất thống kê	2	2	0		
	315339 3	Vi sinh môi trường	2	2	0		
	315294 3	Thực hành vi sinh môi trường	1	0	1		
	315280 3	Tài nguyên khoáng sản và năng lượng	2	2	0		
	315087 3	Các phương pháp phân tích môi trường (đất, nước, không khí)	3	3	0		
	311119 3	Toán ứng dụng trong môi trường	2	2	0		
	315281 3	Tài nguyên sinh vật	2	2	0		
	Học phần tự chọn:						
	314167 2	Quản lý dự án môi trường	2	2	0		
	331001 1	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	2	2	0		
	316172 1	Pháp luật đại cương	2	2	0		
	001029 0	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(1)	001028 0	
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			24	23	1		
4	212001 0	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0	213002 0	
	315184 2	Đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên	2	2	0		
	315266 3	Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường	3	3	0		
	319184 3	Trắc địa và bản đồ học	2	2	0		
	319180 3	Thực hành trắc địa và bản đồ	1	0	1	319184 3	
	315100 3	Nguồn lợi thủy sản	2	2	0		
	319189 2	Kinh tế môi trường	3	3	0		
	315295 3	Thực tập nhận thức	1	0	1		
	Học phần tự chọn:						
	315084 3	An toàn môi trường và vệ sinh lao động	2	2	0		
	315248 3	Khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu	2	2	0		
	314169 2	Sản xuất sạch hơn	2	2	0		
	001030 0	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(1)	001029 0	
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			23	21	2		
	319185 3	Ứng dụng GIS trong quản lý tài nguyên & môi trường	3	2	1		



HỌC KỲ	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			HP học trước	Ghi chú
			TC	LT	TH		
5	315267 3	Quản lý tổng hợp lưu vực sông	2	2	0		
	315239 3	Giám sát sức khỏe hệ sinh thái	2	2	0		
	315274 3	Quan trắc sinh học	2	2	0		
	315291 3	Thực hành quan trắc sinh học	1	0	1	315274 3	
	315250 2	Luật và chính sách môi trường	2	2	0		
	315240 2	Giáo dục và truyền thông bảo vệ môi trường	2	2	0		
		Học phần tự chọn:					
	319186 2	Du lịch sinh thái	2	2	0	315147 2	
	315095 3	Hệ thống quản lý ISO 14000	2	2	0		
	315243 3	Kiểm soát ô nhiễm bằng vi sinh vật	2	2	0		
	315232 3	Đánh giá rủi ro môi trường	2	2	0		
	001031 0	Giáo dục thể chất 5	(1)	(0)	(1)	001030 0	
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			22	20	2		
6	315055 3	Quy hoạch môi trường	2	2	0		
	315246 3	Kỹ thuật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất	2	2	0		
	315014 3	Đánh giá môi trường	3	3	0		
	315273 3	Quan trắc môi trường	3	3	0		
	315290 3	Thực hành quan trắc môi trường	2	0	2	315273 3	
	315268 2	Quản lý tổng hợp vùng bờ	2	2	0		
	315254 3	Phương pháp đánh giá nhanh môi trường	2	2	0		
	315338 3	Thực tập kỹ năng	1	0	1		
		Học phần tự chọn:					
	315284 3	Thanh tra môi trường	2	2	0		
	315264 3	Quản lý nhà nước về biển và hải đảo	2	2	0		
	314166 2	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	2	2	0		
	315242 3	Kiểm soát ô nhiễm bằng thực vật	2	2	0		
		Tổng số tín chỉ trong học kỳ :	25	22	3		
7	315006 2	Công nghệ môi trường	2	2	0		
	315286 3	Thực hành công nghệ môi trường	1	0	1	315006 2	
	315228 3	Bài tập lớn về công nghệ môi trường	1	0	1		
		Học phần tự chọn:					
	315265 3	Quản lý nhà nước về khoáng sản và địa chất	2	2	0		
	315258 3	Quản lý cấp thoát nước đô thị	2	2	0		
	315271 3	Quản lý và kiểm soát ô nhiễm không khí	2	2	0		
	315263 3	Quản lý môi trường nông thôn	2	2	0		
	315262 2	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	2	2	0		
	315102 3	Quản lý môi trường biển và ven biển	2	2	0		
	319190 2	Quy hoạch sử dụng đất	2	2	0		
	315269 3	Quản lý và bảo vệ tài nguyên nước	2	2	0		
	315270 3	Quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng	2	2	0		
	315259 3	Quản lý hệ sinh thái đất ngập nước	2	2	0		
	315236 3	Đồ án môn học (tự chọn bắt buộc đối với sinh viên không làm	4	0	4		
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			28	22	6		
8	303003 2	Thực tập tốt nghiệp	3	0	3		
		Học phần tự chọn:					
	315028 3	Khóa luận tốt nghiệp	7	0	7		
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			10	0	10		

Ghi chú: Không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng và phần Tiếng Anh đạt chuẩn đầu ra
* Học phần Tiếng Anh A2.1 là học phần tiên quyết của học phần Tiếng Anh A2.2

Điều kiện tốt nghiệp:

Phải tích lũy tối thiểu 135 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc
Đạt chuẩn đầu ra Tin học
Đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh trình độ B1 khung châu Âu

TRƯỜNG KHOA

Võ Châu Tuấn



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. LÊ QUANG SƠN